

PHÁT TRIỂN TAM NÔNG ĐBSCL

Hội thảo TW Đảng 27-05-2008

1. TỔNG QUAN ĐBSCL SO CẢ NƯỚC
2. CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC TAM NÔNG ĐBSCL

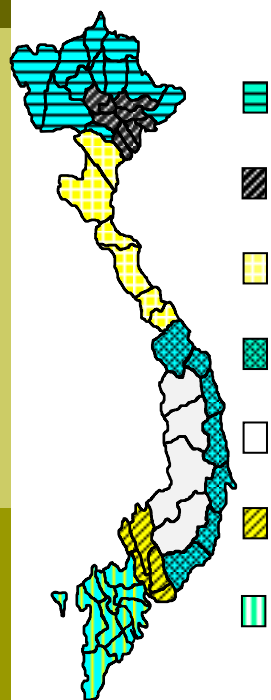
- Cơ hội và thách thức SX NN
- Cơ hội và thách thức ND
- Cơ hội và thách thức NT

3. GIẢI PHÁP THA GIA “ 4 Nhà”
4. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

*Ts Nguyễn Văn Sánh
Viện NC Phát triển ĐBSCL
Đại Học Cần Thơ*



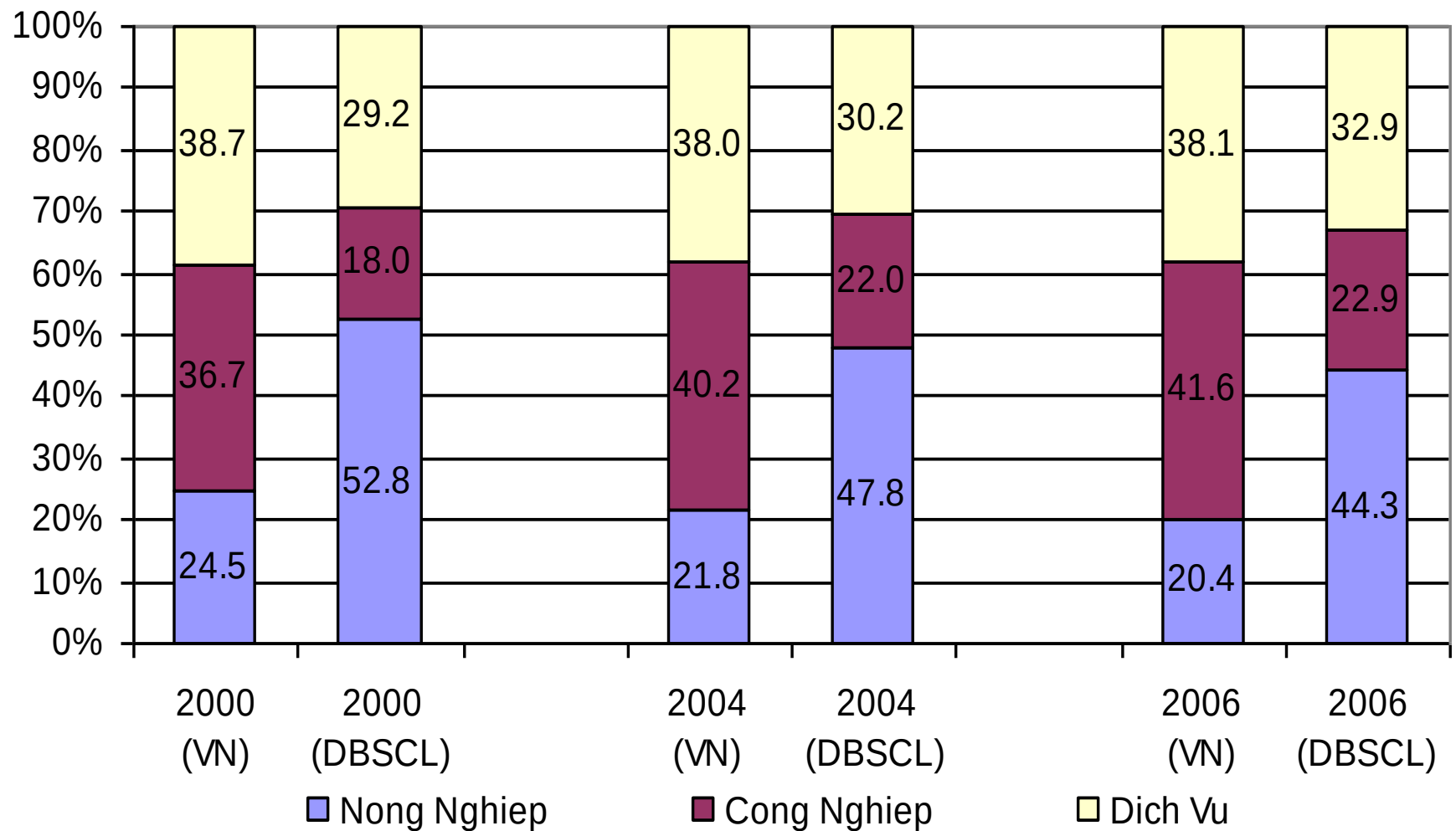
ĐẤT VÀ DÂN SỐ ĐBSCL SO CẢ NƯỚC



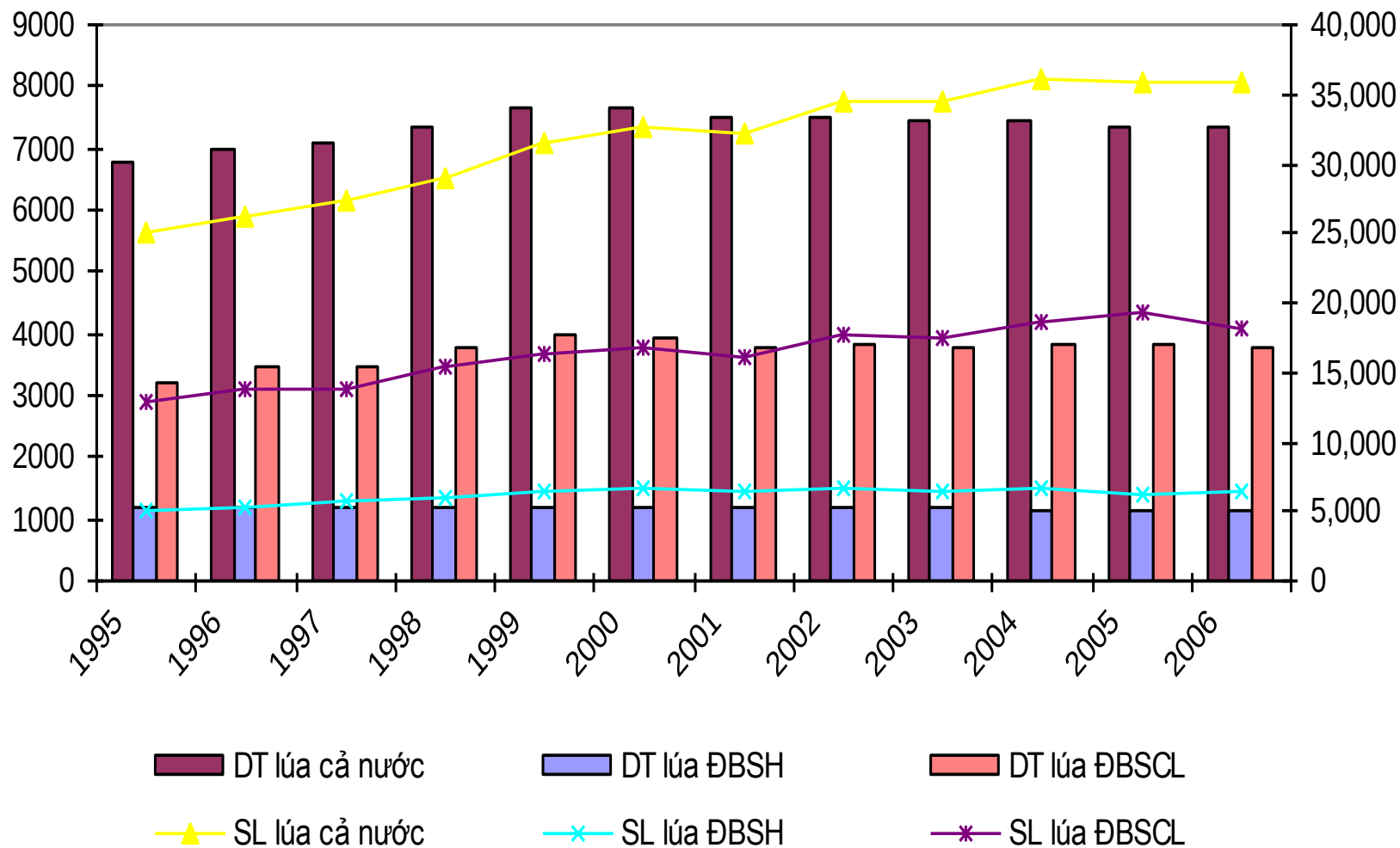
Phân vùng	Hành chính	Dân số 106 người	Diện tích 106 ha	Phân nhóm đất
VIETNAM	64	79.7	33.1	
Đồi núi phía Bắc	15	11.5	10.1	Đất xám bạc màu
ĐBSH	11	17.4	1.5	Phù sa bạc màu
Bắc Trung Bộ	6	10.3	5.1	Đất cát
Nam Trung Bộ	6	6.8	3.3	Đất thịt pha cát
Cao nguyên	5	4.4	5.5	Đất đỏ Basan
Đông Nam Bộ	8	12.6	3.5	Đất xám bạc màu
ĐBSCL	13	22	4.0	Phù sa ven sông
ĐBSCL = % So cả nước		22.0	12.0	

(* 2002)

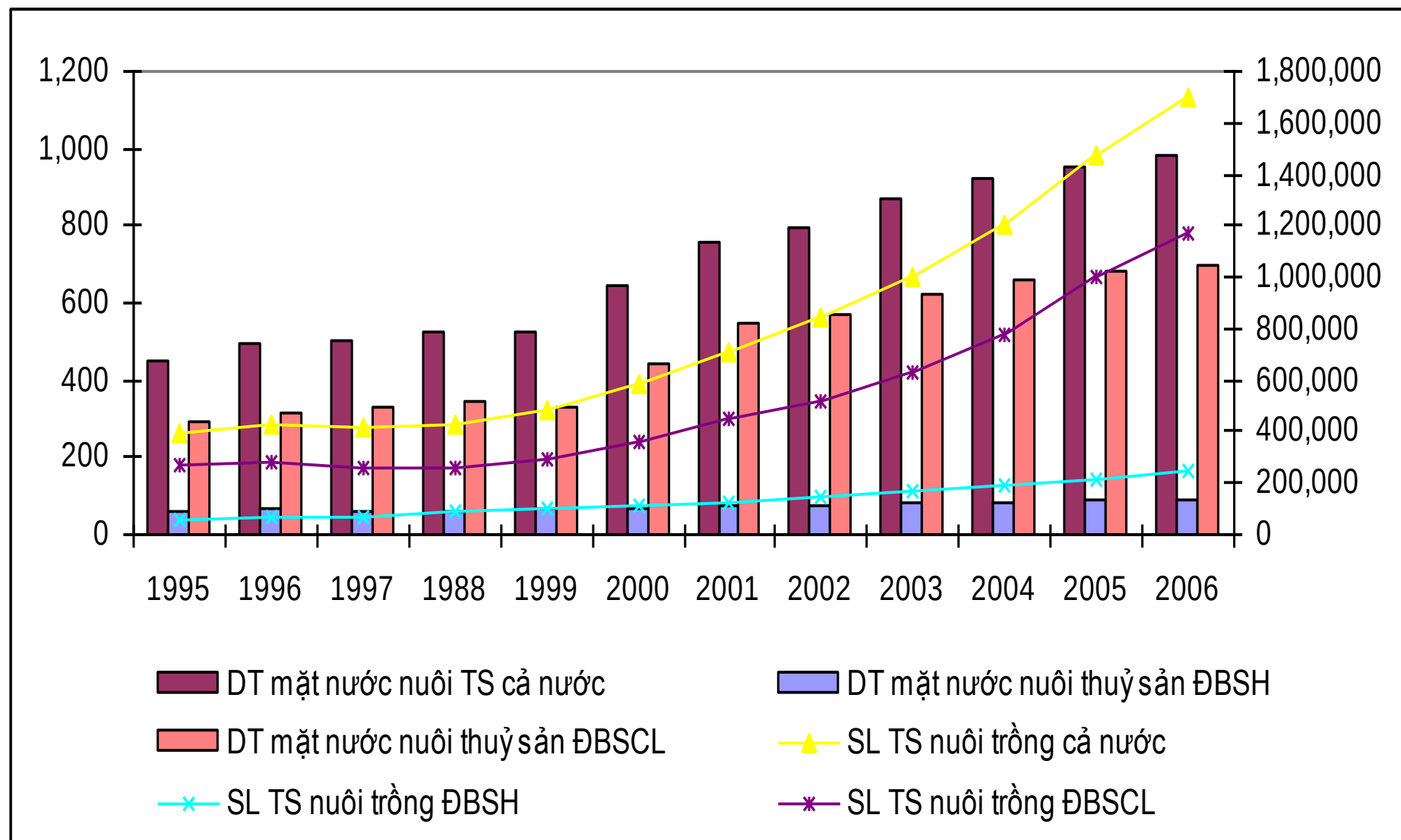
CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ ĐBSCL SO VỚI CẢ NƯỚC



DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG LÚA ĐBSCL SO ĐBSH VÀ CẢ NƯỚC



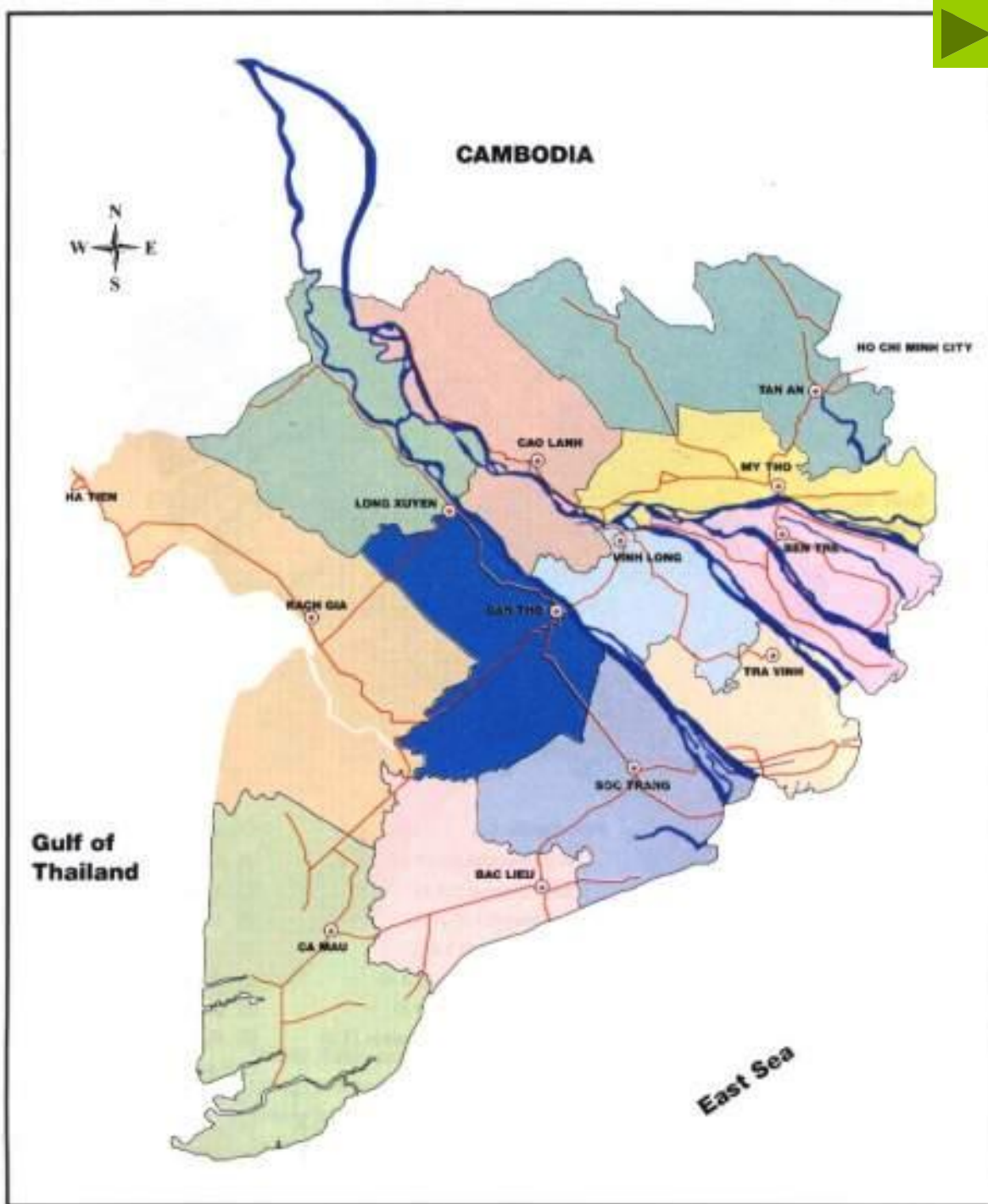
DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG NUÔI TRỒNG THỦY SẢN SO VỚI ĐBSH VÀ CẢ NƯỚC



Vùng NN & An Ninh Lương Thực

- 52% SL lúa
- 70% SL cây ăn trái
- XK TS: 80%
- XK Gạo: >80 %

28 8:08

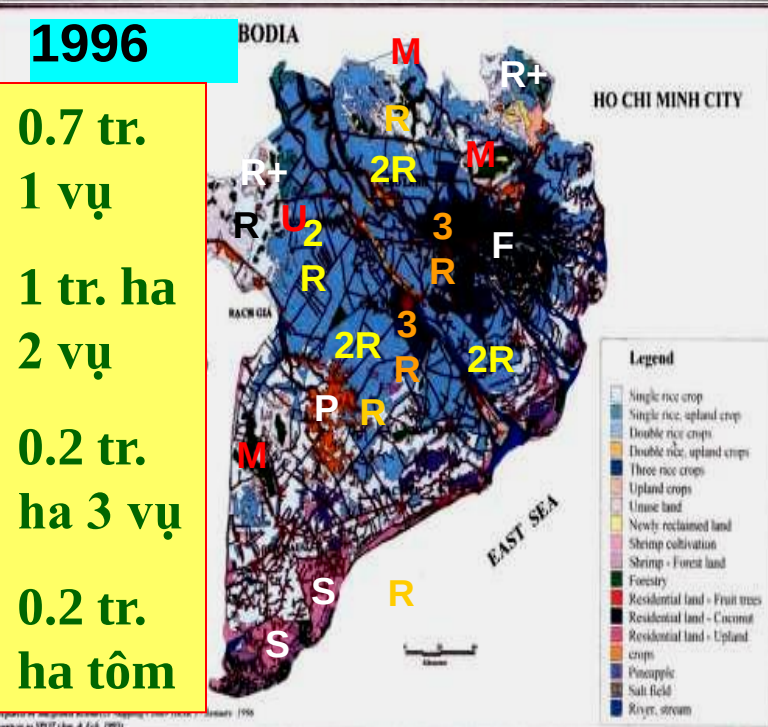
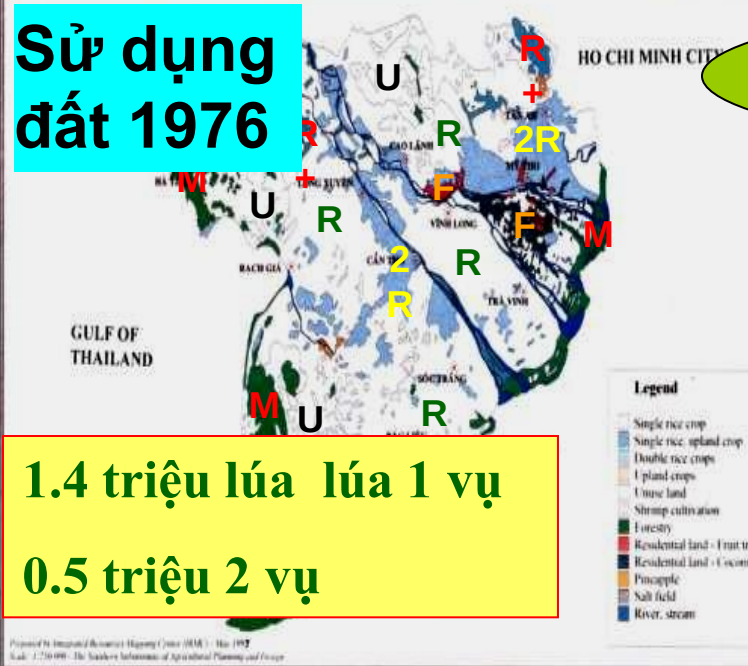


Sử dụng đất 1976

1.4 triệu lúa 1 vụ
0.5 triệu 2 vụ

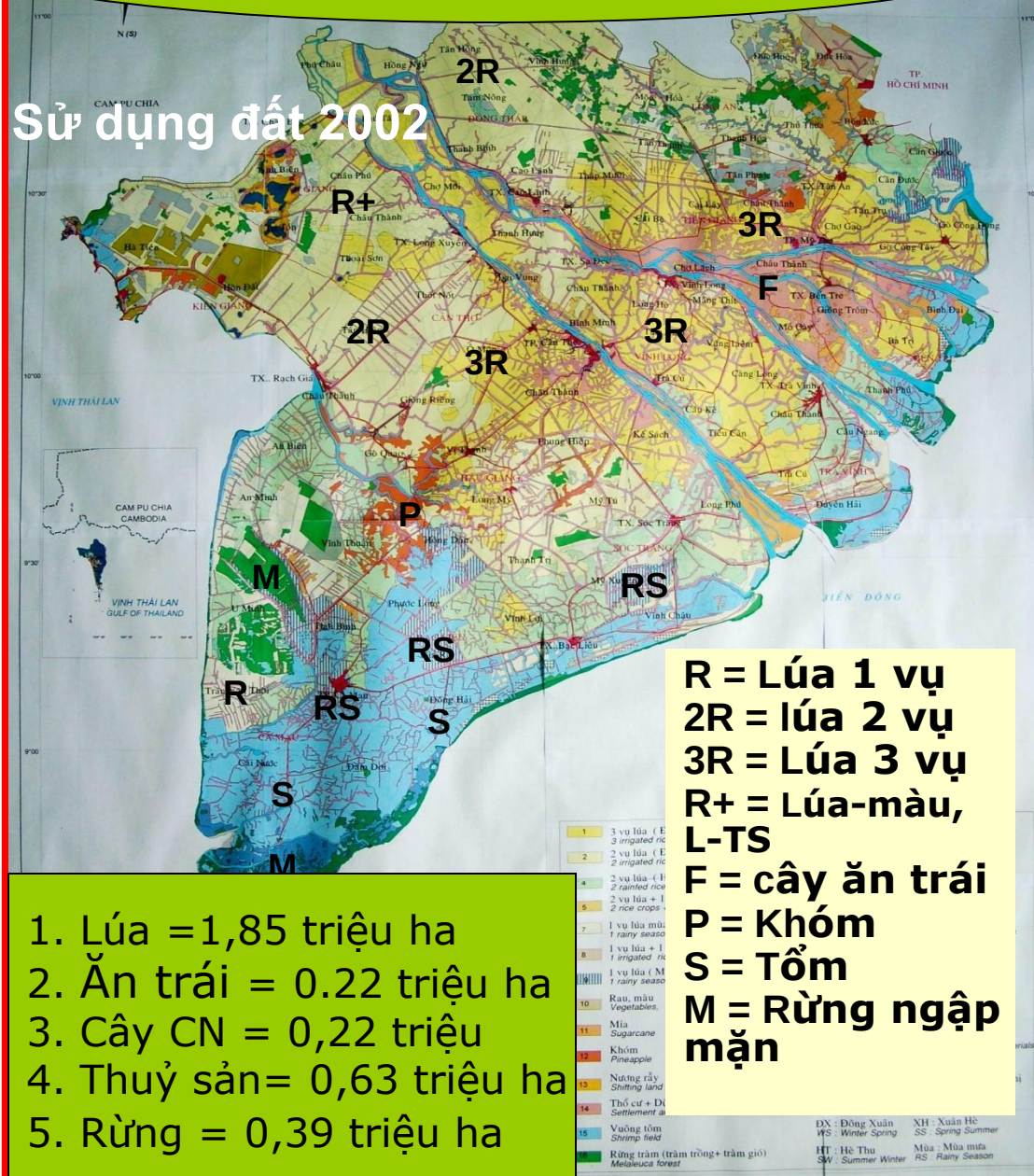
1996

0.7 tr.
1 vụ
1 tr. ha
2 vụ
0.2 tr.
ha 3 vụ
0.2 tr.
ha tôm



Thay đổi sử dụng đất

Sử dụng đất 2002



1. Lúa = 1,85 triệu ha
2. Ăn trái = 0.22 triệu ha
3. Cây CN = 0,22 triệu
4. Thủy sản = 0,63 triệu ha
5. Rừng = 0,39 triệu ha

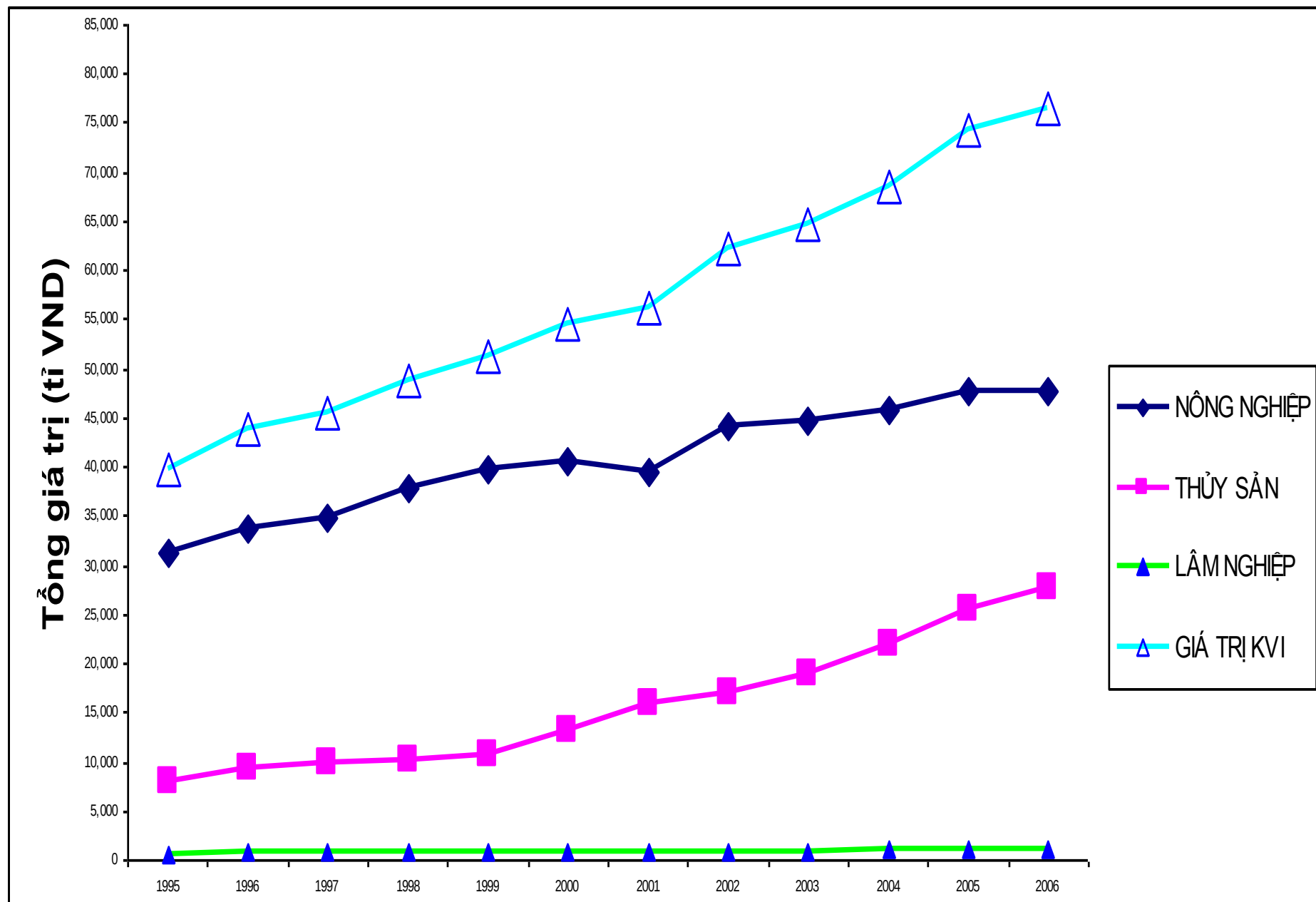
R = Lúa 1 vụ
2R = lúa 2 vụ
3R = Lúa 3 vụ
R+ = Lúa-màu, L-TS
F = cây ăn trái
P = Khóm
S = Tôm
M = Rừng ngập mặn

- 1 3 vụ lúa (E 3 irrigated ric
- 2 2 vụ lúa (E 2 irrigated ric
- 3 2 vụ lúa (E 2 irrigated ric
- 4 2 vụ lúa (E 2 irrigated ric
- 5 2 vụ lúa (E 2 irrigated ric
- 6 1 vụ lúa mùa 1 rainy season
- 7 1 vụ lúa mùa 1 rainy season
- 8 1 vụ lúa + 1 1 irrigated ric
- 9 1 vụ lúa (M 1 rainy season
- 10 Rau, màu Vegetables
- 11 Mía Sugarcane
- 12 Khóm Pineapple
- 13 Nướng rẫy Shifting land
- 14 Thổ cư + Di Settlement a
- 15 Vương tôm Shrimp field
- 16 Rừng tràm (tràm trắng + tràm gió) Melaleuca forest

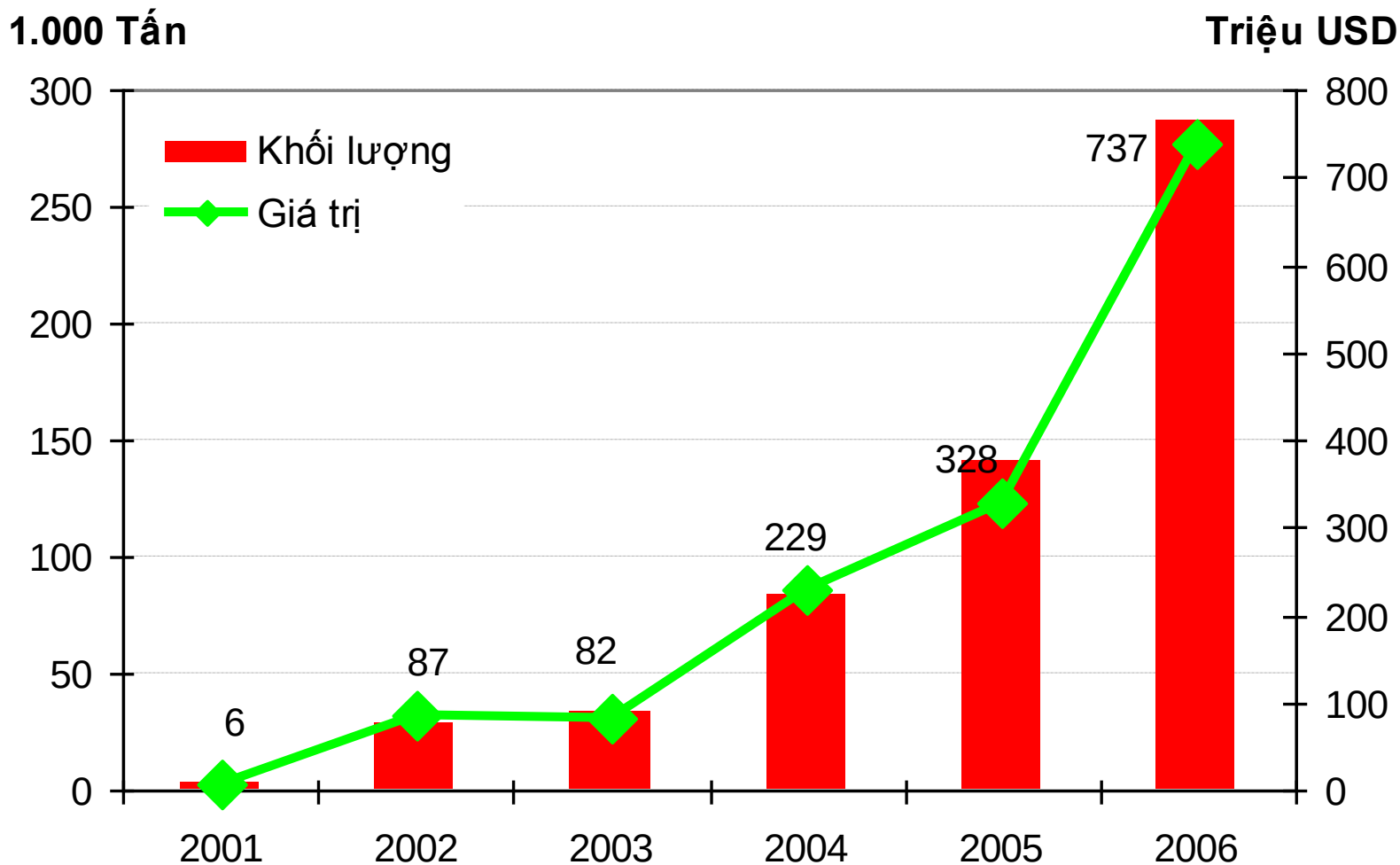
DX: Đông Xuân XH: Xuân Hè
WS: Winter Spring SS: Spring Summer
HT: Hè Thu M: Mùa mưa
SW: Summer Winter RS: Rainy Season



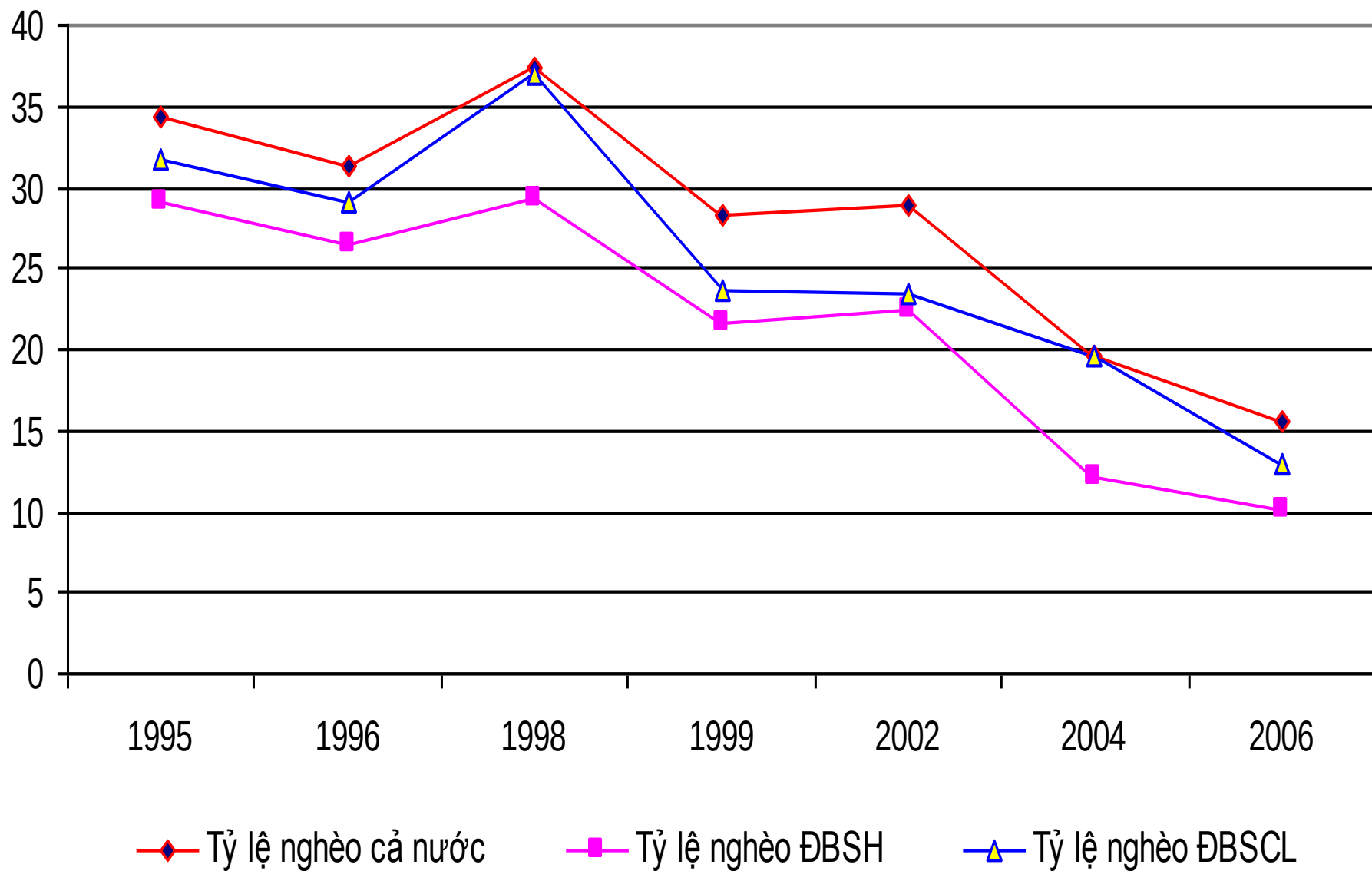
THAY ĐỔI GTSX KHU VỰC I ĐBSCL TỪ 1995 - 2006



Phát triển sản lượng và giá trị cá da trơn



TỈ LỆ HỘ NGHÈO SO ĐBSH & CẢ NƯỚC



ĐIỂM MẠNH, YẾU, CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC VỀ SX NÔNG NGHIỆP VÀ NÔNG DÂN

Cơ hội

1. Thị trường
2. Trơ cấp SX NN (1.1 tỉ USD).
3. Kêu gọi ĐT & KH & CN
4. Quan tâm Nhà nước

Thách thức

1. SXNN "4 đúng = chất, lượng, thời điểm thị trường và giá"
2. SX NN kém bền vững
3. Bầy Nghèo nông dân

Điểm mạnh

1. Đa dạng SX & ND nhạy bén KT & thị trường
2. Lợi thế lúa gạo & TSản
3. Tham gia "4 Nhà"

Điểm yếu

1. Đầu tư thấp, không đồng bộ
2. Quản lý NN tiểu vùng
3. SX nhỏ lẻ, không đồng bộ và khó nối kết thị trường.

VỀ NÔNG THÔN

Cơ hội

1. Đầu tư nhà nước, đặc biệt NQ 45 và NQ 21 (*Ký kết TPCT & các tỉnh*)
2. Quan điểm TW và chia sẻ XH với ND

Điểm mạnh

1. Phát triển kinh tế & giải quyết việc làm
2. Ph. triển thị trường NT
3. Giá trị nhân văn & tham gia cộng đồng

Thách thức

1. Triển khai thực hiện NQ và ND TW
2. Mười thách thức cơ bản NN-ND-NT

Điểm yếu

1. CSHT nghèo nàn
2. Bất cập CN & đô thị hóa
3. Tạo cơ hội việc làm & tăng thu nhập người nghèo

ĐỊNH HƯỚNG GIẢI PHÁP LỚN

Cho Nông nghiệp

1. Quy hoạch và sử dụng quy hoạch theo tiểu vùng
2. NC KH & chuyển giao CN theo "4 đúng" & QL tài nguyên NN
3. Hỗ trợ NN theo thoả thuận WTO

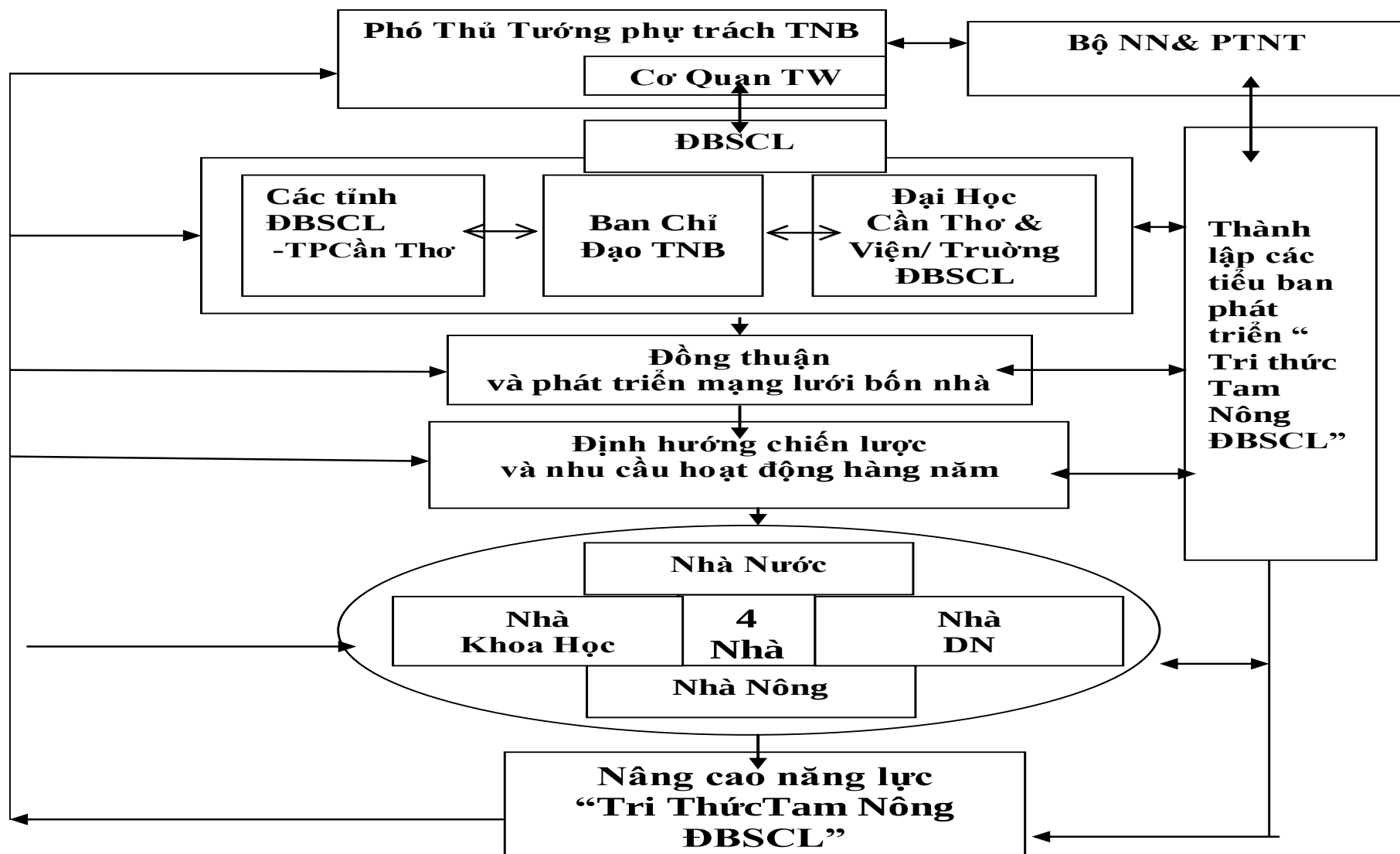
Cho Nông dân

4. Tạo môi trường thuận lợi
5. Nâng cao năng lực ND: Giàu (WTO), TB (tiềm năng), hộ nghèo?

Cho Nông thôn

6. Cơ sở hạ tầng nông thôn
7. Phát triển kinh tế & giảm nghèo:
 - Cơ hội việc làm & tăng thu nhập
 - Giải quyết bẫy nghèo (4 đối mặt và 4 bước ND)
8. Giải quyết bất cập CN và đô thị hóa
9. Quản lý môi trường & tăng mức sống nông thôn
10. Thể chế, tổ chức và chính sách phát triển "Tam Nông ĐBSCL" hậu WTO và đối mặt thay đổi khí hậu.

TỔ CHỨC MẠNG LƯỚI “4 NHÀ”



GIẢI PHÁP THAM GIA “4 NHÀ”

1. Tiếp cận cạnh tranh hàng hoá
 2. Thành lập các tiểu ban
 3. Trách nhiệm và quyền lợi 4 nhà
 - Nhà nông
 - Nhà doanh nghiệp
 - Nhà khoa học
 - Nhà nước
- => Nâng cao năng lực các nhà để phát triển “Tri Thức Tam Nông ĐBSCL”

KẾT LUẬN

XÂY DỰNG MẠNG LƯỚI TAM NÔNG ĐBSCL LÀ CẦN THIẾT, BỞI LẼ:

1. Vùng trọng điểm an ninh lương thực và NN Quốc gia
2. Cơ hội nối kết “Tam Nông Quốc Gia” và “Tam Nông Địa Phương”
3. Xu thế phát triển tham gia “4 nhà” của vùng
4. Không ngừng nâng cao năng lực “4 nhà” để giải quyết các thử thách “tam nông vùng” sắp tới.

KIẾN NGHỊ

1. Đề nghị Ban Chỉ đạo “Tam Nông Quốc Gia” chọn ĐBSCL làm thí điểm cho chương trình “Tri thức Tam Nông ĐBSCL” với sự tham gia “4 nhà”.
2. Đề nghị TW đóng góp thêm ý kiến để định hướng các giải pháp “Tri Thức Tam Nông ĐBSCL” có tính khả thi cao.
3. Phát triển chương trình “Tri Thức Tam Nông ĐBSCL” để nối kết “Tam Nông Quốc Gia” và “Tam Nông Địa phương” một cách hoàn hảo, và sớm được phê duyệt và đưa vào thực hiện.

CHÂN THÀNH CẢM ƠN
SỰ THEO DÕI CỦA CÁC ĐỒNG CHÍ



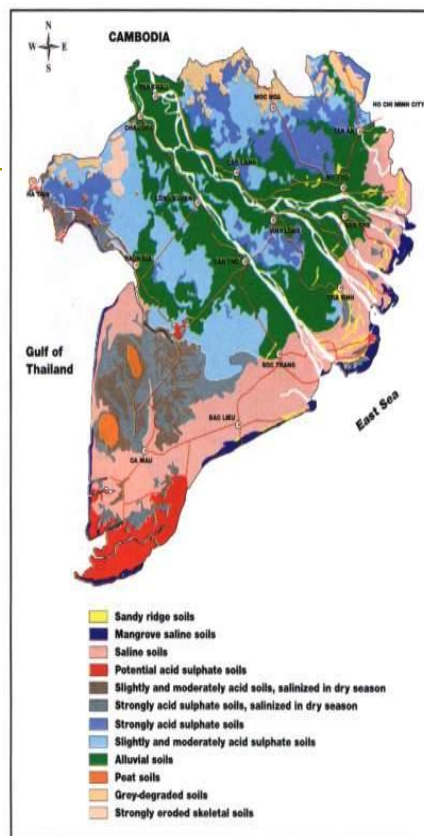
HOẠT ĐỘNG THAM GIA “4 NHÀ” ĐBSCL

1. **Kỹ thuật:** 3 giảm & 3 tăng trên lúa, KN 4 thành phần, xã hội hoá công tác giống, cơ giới NN
2. **Thiên tai & dịch bệnh:** Phòng trừ rầy nâu, bệnh vàng lùn & lùn xoắn lá trên lúa, phòng chống lụt bão với phương châm “4 tại chỗ”.
3. **Phát triển cạnh tranh hàng hoá** về rau sạch, tôm sinh thái, cá da trơn, và GAP trái cây & lúa chất lượng cao.
4. **Phát triển k.tế & giảm nghèo** S.trắng & Trà vinh.
5. **Xu thế:** ngày càng nhiều cộng đồng và ND tham gia “4 nhà” để SX và nối kết với thị trường.

TỈ LỆ ĐẤT CÓ VẤN ĐỀ CAO, LŨ LỤT MÙA MƯA VÀ XÂM NHẬP MẶN MÙA KHÔ

Nhóm đất SX NN

- 1.-Phù sa ven sông
1.1 triệu ha, 28%
2. Đất phèn hoạt động
1.1 triệu ha, 28%
3. Đất phèn tiềm tàng
0.5 triệu ha, 13%
4. Đất mặn
0.8 mil. ha, 21%
5. Đồi núi
0.4 triệu ha, 10%



Chế độ nước: Mùa 1600mm (tháng 5 – tháng 12)

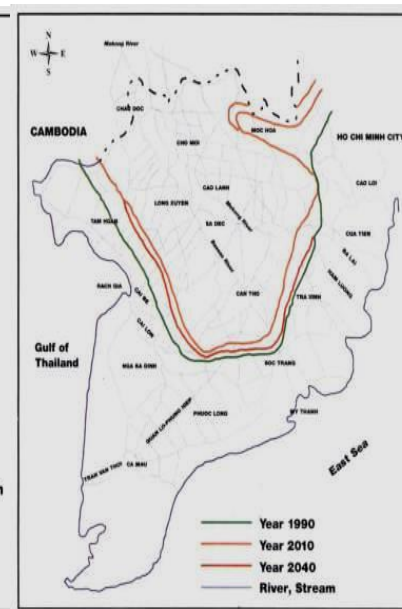
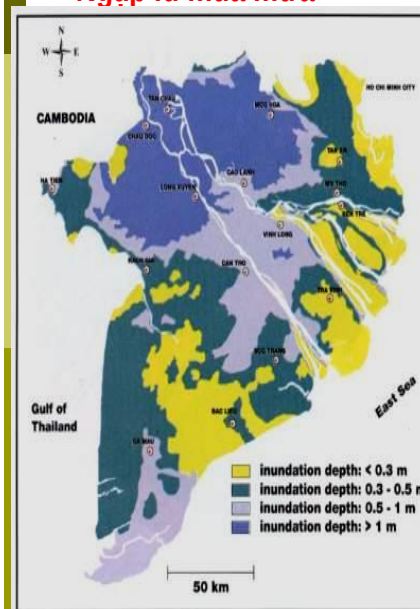
Dòng chảy sông cửu long

Mùa mưa 40,000m³/s

Mùa khô 1,800m³/s

Ngập lũ mùa mưa

Xâm nhập mặn mùa khô

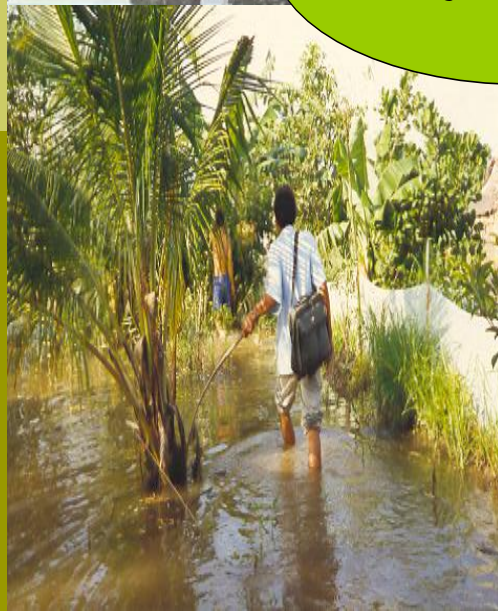




LŨ LỤT MÙA MƯA & HẠN HÁN MÙA KHÔ



Khó khăn nông thôn ĐBSCL
Trong mùa mưa & lũ



Khó khăn về thiếu nước
SX trong mùa khô



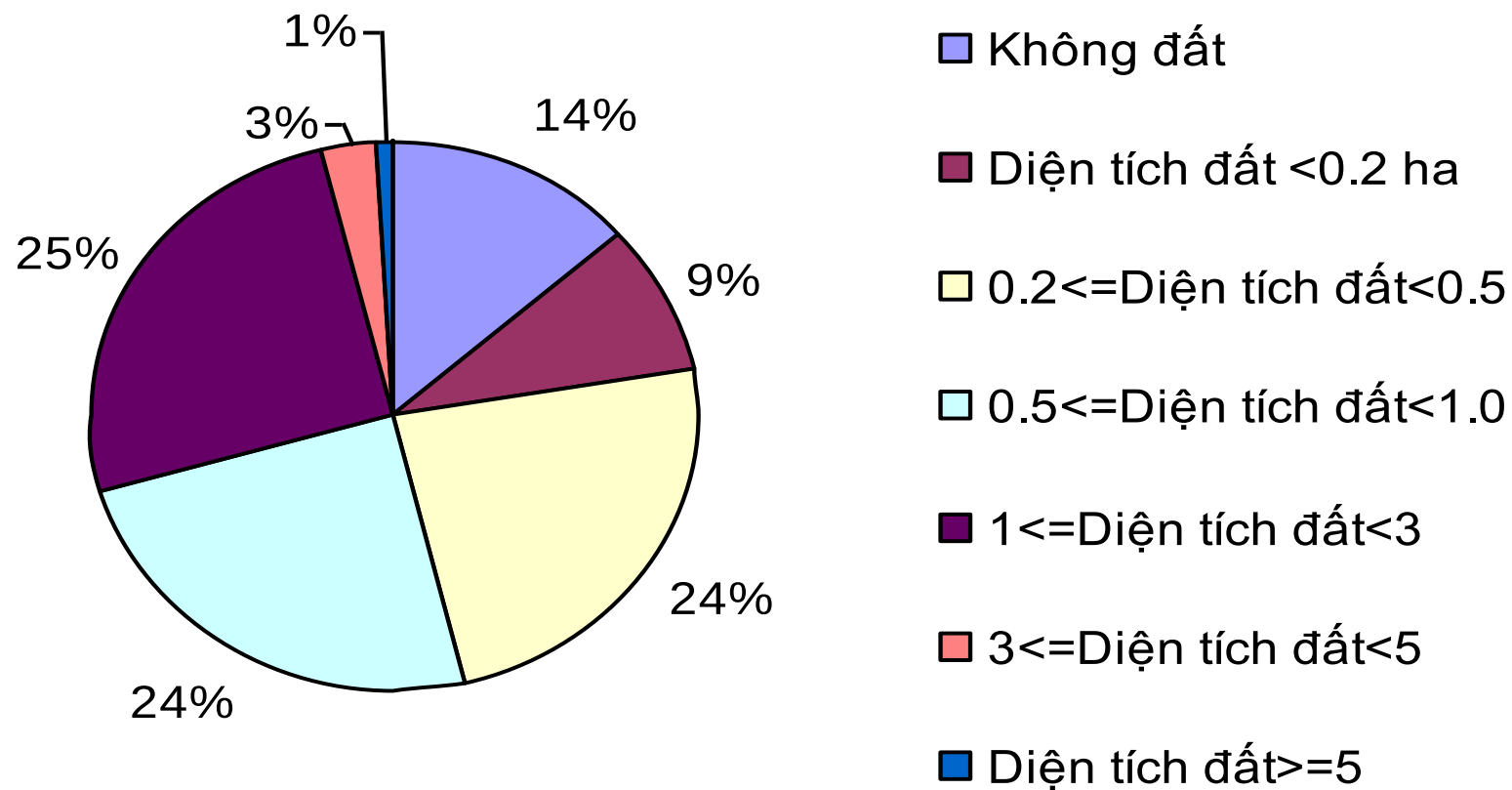
KHẢ NĂNG TÍCH LŨY VÀ TRÌNH ĐỘ GIÁO DỤC NÔNG DÂN

V Ù N G	Bq thu/ Khẩu /năm (triệu đ)	Bq chi/ khẩu /năm (triệu đ)	Tỉ lệ Hộ có Tích lũy (%)	Mù chữ (%)	Cấp I (%)	Cấp II (%)	Cấp III (%)
NGỘT	8.2	6.2	68	2	26	39	32
MẶN & PHÈN	6.4	5.0	47	20	55	21	4

Nông nghiệp kém bền vững vì xuất khẩu tăng nhưng thu nhập nông dân thấp và trình độ giáo dục còn nhiều hạn chế



PHÂN HOÁ GIÀU NGHÈO NÔNG THÔN CAO





CHI TIÊU NÔNG DÂN VỚI 4 NHÀ CHUNG QUANH MÌNH

Tiểu Vùng	Nhà Minh	Nhà Vật tư	Nhà Ngân Hàng	Nhà Hàng xóm	Tổng Chi	Thu NN & Phi NN	Tích lũy Triệu đ
1. NGỌT	11	17	3.5	2	33.5	39	5.5
Tỷ lệ	33%	50%	11%	6%			
2. LŨ	9	11	3	1	24	25	1
Tỷ lệ	32%	48%	12%	4%			
3. MẶN	16	83	12	3	114	125	11
Tỷ lệ	14%	73%	10%	3%			
4. TB CHUNG	12	37	6	2	57	63	6
Tỷ lệ	21%	65%	11%	4%			

Giá đầu vào (vật tư & vốn) tăng & giá đầu ra giảm sẽ tổn thương lớn đến đời sống hộ nông dân (tích lũy, GD, sức khỏe, v.v.)

THÁCH THỨC “4 BƯỚC” NÔNG DÂN TRONG WTO



Do cạnh tranh thị trường & SX NN 4 đúng, ND chỉ có 4 lựa chọn:

- 1. Bước ra:** hộ ít đất, kỹ thuật thấp và đáp ứng thị trường kém thì bán đất và bước ra ngoài khu vực NN.
- 2. Bước vào:** Nông dân có vốn, kỹ thuật, và quản lý tốt sẽ bước vào để phát triển trang trại
- 3. Bước lên:** Có đất, thiếu KT và vốn phải bước lên qua hình thức kinh tế hợp tác, HTX, hoặc hợp tác DN nông thôn.
- 4. Bước xuống:** Nếu bước ra không có việc làm, bước vào không được và bước lên không xong thì phải bước xuống trở thành thất nghiệp và nghèo khó NT. Hoặc di dân và tìm việc làm thành thị.

→ Do vậy, nâng cao năng lực ND, hình thức tổ chức hợp tác SX thì tối cần thiết. Phát triển NT qua nâng cao thu nhập và tạo cơ hội việc làm thì cực kỳ quan trọng để giải quyết “4 bước ND”.

BẤT CẬP CN & ĐÔ THỊ HOÁ NT ĐBSCL



1. Yếu tố bên trong ĐBSCL chỉ chiếm 6% tổng FDI cả nước, LA 2.3 %):

1. CSHT yếu kém
2. Nguồn nguyên liệu không tập trung
3. Kỹ năng & trình độ LĐ kém
4. Cơ chế kêu gọi đầu tư thiếu nhất quán giữa các tỉnh
5. Mất đất tốt SX và ô nhiễm môi trường ven sông.
6. Môi trường sống cho các nhà đầu tư.

2. Yếu tố bên ngoài ĐBSCL

1. Thiếu chiến lược tổng thể kêu gọi đầu tư phát triển khu CN giữa TPHCM, Biên Hoà, Đồng Nai, Bình Dương và các tỉnh ĐBSCL về:

- Dọn ổ cho đại bàng đập.
- Nước chảy về chỗ trũng.

2. Khó khăn cả 2 phía:

⇒ Khó cho khu CN đại bàng đập do cơ giã CN TPHCM.

⇒ Khó cho các tỉnh ĐBSCL về phát triển CN và giải quyết việc làm nông thôn.



BẦY CN & ĐÔ THỊ HOÁ ĐỐI VỚI ND



10 THÁCH THỨC LỚN TAM NÔNG ĐBSCL

ĐỐI VỚI NÔNG DÂN

1. Nhỏ lẻ, hộ nghèo cao, dễ bị rủi ro và tổn thương. Kỹ thuật thấp, thiếu tổ chức sx với quy mô lớn & vốn lớn.

ĐỐI VỚI NÔNG NGHIỆP

2. Hàng hoá kém chất lượng, không bảo đảm VS AT thực phẩm, giá thành cao, không ổn định & khó cạnh tranh.
3. SX kém bền vững vì XK tăng, nhưng thu nhập ND thấp và môi trường bị ô nhiễm. Dịch bệnh & thiên tai thường xuyên.
4. Đầu tư ĐBSCL thấp so với vai trò an ninh lương thực & NN Quốc gia.

ĐỐI VỚI NÔNG THÔN

5. CSHT yếu kém. Bất bình đẳng thu nhập nông thôn & thành thị
6. Ô nhiễm môi trường nội và ngoại sinh ngày nghiêm trọng.
7. Thiếu lòng ghép CT và dự án.
8. Chưa liên kết chắc chắn "4 nhà" để giải quyết các thách thức vùng.
9. Chủ trương "Tam Nông" từ lâu, nhưng theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả còn nhiều hạn chế.
10. Đối mặt WTO và thay đổi khí hậu ảnh hưởng rất lớn đến phát triển "Tam nông ĐBSCL" Nếu chúng ta thiếu chiến lược và giải pháp ngay từ bây giờ.



NGÀNH HÀNG CÓ LỢI THẾ SO SÁNH DBSCL

Ngành hàng	Lý do	Giải pháp bền vững
Lúa-gạo	1. Cầu QT lớn, 2. An toàn lương thực, 3. sử dụng đa mục tiêu	- Chất lượng cao cho xuất khẩu. - Giá trị tăng thêm nội địa. - Tăng cung: Văn đề sâu bệnh, kỹ thuật, và kết hợp nuôi trồng thủy sản
Cây Ăn trái	Cầu cao, đa dạng, Cung lớn và quanh năm.	- Nâng cao chất lượng để cạnh tranh - Kết hợp du lịch sinh thái - Kết hợp nuôi thủy sản & chăn nuôi.
Rau màu	1. Thị trường lớn 2. nội địa cao, đặc biệt TPHCM, 3. Cung lớn do điều kiện tự nhiên.	-Dựa dấu hiệu thị trường và tổ chức thoả mãn thị trường. - Chuyên hoặc luân trên nền đất lúa
Cá da trơn - Tôm	1. Thị trường lớn 2. lợi thế về sông nước và các vùng sinh thái ngọt, mặn	-Chất lượng hàng hoá -Giảm Ô nhiễm môi trường -Khoanh vùng nuôi



LIÊN KẾT “4 NHÀ” ĐỂ THOẢ MẢN MỘT NHÀ TIÊU DÙNG

1. Phân tích nhu cầu thị trường
2. Xây dựng thể chế, tổ chức và chính sách.
3. Chương trình mục tiêu “Tam Nông”

Thị trường

Công ty/nhà máy cung cấp đầu vào

Phân phối trung gian

Tổ chức ND SX cùng mục tiêu

Doanh Nghiệp

DN Vừa và Nhỏ & PT dịch vụ đầu vào

NC, KN & chuyển giao công nghệ

Tài chính & tín dụng

Môi trường chính sách & thông tin

Phân tích cạnh tranh WTO & liên kết “4 nhà” trong chuỗi cung ứng ngành hàng có lợi thế so sánh từng tiểu vùng.



PHÁT TRIỂN CÁC TIÊU BAN

TIÊU BAN CẠNH TRANH HÀNG HOÁ TRONG WTO

1. *Phát triển sx, chế biến và thị trường tiêu thụ lúa gạo.*
2. *Phát triển SX, chế biến và thị trường tiêu thụ cây ăn trái.*
3. *Phát triển SX, chế biến và thị trường tiêu thụ thủy sản.*
4. *Phát triển SX , chế biến và thị trường tiêu thụ chăn nuôi.*

TIÊU BAN PTNT VÀ NÂNG CAO NĂNG LỰC ND

5. *Phát triển thể chế, tổ chức & chính sách nâng cao năng lực " Tri thức Tam ĐBSCL"*
6. *Phát triển DN vừa và nhỏ, thương mại hóa NT và thông tin thị trường.*
7. *Nghiên cứu & Huấn luyện nâng cao năng lực chính quyền và nông dân ĐBSCL.*

QUYỀN LỢI VÀ TRÁCH NHIỆM 4 NHÀ



- 1. Nhà nông:** Gây ý thức và thúc đẩy hợp tác, phản ánh khó khăn cho 3 nhà còn lại, truyền đạt kết quả "3 nông" về cơ sở. Quyền lợi ND về phát triển SX & nối kết với thị trường, không ngừng nâng cao năng lực.
- 2. Nhà DN:** Tìm thị trường, tổ chức cạnh tranh, phản hồi chính sách. Quyền lợi về ổn định đường cung qua nối kết vùng nguyên liệu và ND. Do vậy, chiến lược kinh doanh & cạnh tranh hiệu quả cao, và ít rủi ro cho hoạt động DN trong kinh tế hội nhập.
- 3. Nhà Khoa học:** NC KH & chuyển giao CN có địa chỉ theo tiểu vùng sinh thái và theo nhu cầu 3 nhà còn lại. Quyền lợi chia sẻ và nhận phản hồi của 3 nhà. Từ đó thích ứng ND 115 CP và cải tiến tư duy NC trong bối cảnh WTO và thay đổi khí hậu.
- 4 Nhà nước:** Cơ chế chính sách phát triển 3 nhà còn lại. Quyền lợi về sử dụng nguồn lực thực thi NQ Đảng và Chỉ thị nhà nước một cách có hiệu quả.